

**CÁCH ĐẸP, CÁC SAO NHAN SẮC**

Thiên Tướng: Người đẹp đẽ, uy nghi, có tinh thần khí sắc, cao vừa, da trắng, mặt đẹp, dáng oai vệ.

Thái Dương: Người đầy đà, da hồng, mặt vuông đầy uy nghi bề vệ, bộ mặt sáng rỡ.

Thái Âm: Người to lớn, hơi cao, da trắng, mặt vuông đầy, mắt sáng, đẹp.

Phá Quân: Người to lớn có thân hình cao vừa tầm, da hồng, mặt đầy, mắt lộ, hầu lộ, lông mày thưa.

Tham Lang: Người vạm vỡ, da trắng, mặt đầy, có nhiều lông, tóc và râu.

Thiên Cơ: Người có thân hình cao, xương lộ, da trắng, mặt dài nhưng đầy.

Thiên Đồng: Thân hình nở nang, hơi thấp, chân tay ngắn, da trắng, mặt vuông và đầy.

Thiên Lương: Người thon, cao, da trắng, vẻ mặt thanh tú, khôi ngô.

Thiên Phủ: Người có thân hình đầy đặn, da trắng, vẻ mặt thanh tú, khôi ngô, răng đều và đẹp, phụ nữ thì tươi đẹp như hoa.

Tử Vi: Người cao đầy đà, da hồng, mặt đầy.

Vũ Khúc: Người nở nang, cao vừa tầm, nặng cân, đầu và mặt dài, vẻ mặt uy nghi, tiếng to.

Văn Xương, Văn Khúc: Người có vẻ mặt thanh tú, khôi ngô hợp với quý tướng.

Long Trì, Phượng Các: Nhan sắc đẹp, da hồng hào, thanh tú

Thanh Long: Người phương phi, tú khí, có cốt cách sang

Đào Hoa, Hồng Loan: Người rất đẹp, có nhan sắc (Đào Hoa), duyên dáng (Hồng Loan)

CÁCH ÁI TÌNH, CÁC SAO TÌNH DỤC

1. Những sao tình dục chung cho hai phái:

a. Những tâm tình nặng ý nghĩa nhục dục:

Tham Lang: Chỉ sự tham dục lớn lao, nhất là khi hãm địa thì tính nét càng sa đọa, hư đốn, lãng loạn. Thông thường, Tham Lang chỉ hạng người dễ động tình, xấu máu về sắc dục, bị thu hút bởi nhu cầu sinh lý và chạy theo nhu cầu này một cách mù quáng, bất chấp đạo đức, gia đình, dư luận. Nét dục của Tham Lang (võ tinh) có ít nhiều bạo tính, dục động, khó kìm chế. Ngoài ra, Tham Lang thụ hưởng sinh lý một cách ích kỷ, nghĩ đến mình nhiều hơn đến bạn đồng tình, thiếu tế nhị, cao thượng, vị tha. Tham Lang đặc biệt bất lợi cho phái nữ. Nữ có sao này có ít nhiều đĩ tính, nếu Phúc - Mệnh - Thân xấu và có thêm sao tình dục khác: đây là hạng gái giang hồ. Còn Nam số có Tham Lang là kẻ ăn chơi, đàng điếm, hoang dâm, nếu không có đủ sao mạnh chế khắc.

Thiên Riêu hãm địa (trừ ở Mão và Dậu): có ý nghĩa sinh lý rất mạnh, chỉ sự chơi bời, sắc dục, truy lạc, sa đọa, xu hướng tình dục và tính nét dâm dăng. Như Tham Lang, ái tình của Thiên Riêu bừa bãi, mạnh mẽ, đồng thời có khuynh hướng xác thịt. Đối với sao này, không có vấn đề tình yêu lý tưởng hay tinh thần, chỉ có sự thỏa mãn vật chất. Nếu Thiên Riêu đắc địa ở Mão và Dậu, nét tình vẫn mạnh, chỉ được lợi là không bị tai tiếng xấu xa mà thôi.

Thai: có ý nghĩa tình dục mạnh, thiên về sự thay cũ đổi mới và có đặc tính tái phạm, dù có cố gắng chưa.

Đào hoa: chỉ sự ham thích ái tình, tính nét trắng hoa, đa tình, ham chinh phục để yêu và được yêu, lấy tình yêu làm lẽ sống của tâm hồn, để thỏa mãn một tình cảm chưa chan hoặc một nhu cầu sinh lý nồng nhiệt. Đối với Đào Hoa, hình thái của ái tình không quan trọng bằng cường độ của ái tình nên bao giờ cũng tha thiết, đam mê, si lụy, rung động mạnh trước ái tình và tham lam trong tình trường. Đào Hoa không những phong phu, nhằm nhiều đối tượng cùng một lúc mà còn lẳng lơ, sa đọa, bất chính, phi đạo đức. Sao này đại kỵ cho Nữ Mệnh.

Mộc Dục: phóng dăng, ham muốn vật dục, khao khát yêu đương và quyến rũ yêu đương. Tính nét sinh lý của sao này ít nhiều hỗn loạn, không mấy chọn lọc đối tượng, bao ham nhiều hình thái, từ sự tự thỏa mãn đến vấn đề đồng tính luyến ái. Tình yêu của Mộc Dục hơi quái dị, bất thường.

Mộ: sao này chỉ sự dâm dăng thông thường.

Liêm Trinh hãm địa: chỉ khi hãm địa (ở Ty, Hợi, Mão và Dậu), Liêm Trinh mới có ý nghĩa dâm dăng. Đắc địa (ở Thìn, Tuất, Tý, Ngọ, Dần, Thân, Suu và Mùi), Liêm Trinh chỉ tính nét hào hoa thông thường.

b. Những sao tình dục nặng ý nghĩa tinh thần:

Hoa Cái: chỉ sự khao khát tình ái, sự thích thú được người khác phái chú ý và yêu đương, sự trêu chọc để cho bên kia phải chết mê, chết mệt vì yêu đương. Hoa Cái chỉ sự chung diên, tính thích xa hoa, lộng lẫy để có một bề ngoài đài các, sang trọng, quyến rũ. Hoa cái chỉ sự kiêu cách trong bộ điệu, trong ngôn ngữ cho đến giọng nói uốn lười, sửa giọng, lắm khi không tự nhiên, đôi khi lộ bịch; sự ham chuộng các loại thời trang.

Hồng Loan: so với Đào Hoa, Hồng Loan chỉ ái tình tương đối có nét hạnh hơn. Hồng Loan thu hút bằng sự quyến rũ do đức tính bên trong. Hồng Loan chỉ sự khéo léo chân tay, khéo léo ngôn ngữ, khéo léo về dáng điệu tức là những nét duyên về công, dung và ngôn.

Văn Xương, Văn Khúc: không có ý nghĩa đậm đảng trực tiếp. Người có Xương Khúc có tâm hồn văn chương mỹ thuật, bắt nguồn từ những năng khiếu bẩm sinh về âm nhạc, nghệ thuật, thi ca nhưng rất đa tình, giàu tình cảm, dễ cảm xúc, tiếp nhận và tiếp phát tình cảm rất mạnh. Người có Xương Khúc có sự nhạy cảm, sự mơ mộng, sự kể lể văn chương, thiên hướng về cái tôi rất mạnh.

Thái Âm: chỉ sự hữu duyên, hữu tình và đa tình. Người có Thái Âm rất lãng mạn, có khuynh hướng bộc lộ tình cảm, hay mơ mộng viễn vông, có thể đậm đảng (nếu hãm địa, ý nghĩa này rất rõ rệt).

2. Những sao tình dục riêng cho nữ phái:

a. Sao đơn thủ

Cự Môn hãm địa (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Ty): nếu đóng ở Mệnh, Thân của nữ số. Chỉ tâm trạng bất mãn chung chứ không nhất thiết bất mãn về sinh lý, gặp nhiều ngang trái.

Hỏa Tinh, Linh tinh hãm địa (Ty, Thân, Dậu và Hợi): nằm mơ thấy yêu đương.

Thiên Không ở Mệnh của Nữ số: người dâm tiện, suốt đời bị ách gió trăng, là hàng ca kỹ, tì thiếp lăng loàn.

b. Sao hội hợp:

Liên Trinh, Tham Lang ở Ty, Hợi của Nữ số: vừa đặc kếp, vừa tham dâm. Sự hội tụ ở 2 cung Ty và Hợi, nơi cả hai đều hãm địa, càng bất lợi cho phụ nữ: đó là những gái lâu xanh kha hữu.

Thiên Lương, Thiên Đồng ở Ty, Hợi: phóng túng, ham chơi.

Thiên Lương, Thiên Mã ở Ty, Hợi: phóng túng, ham chơi, thay đổi bạn liên tục.

Thái Âm hãm, Đà La: đam mê sắc dục. Đà La chỉ sự bất hạnh trong tình trường.

Thiên Đồng, Thiên Riêu: người không chung tình, thường thay đổi tình nhân và nếu có chồng thì ngoại tình.

Tham Lang, Đại, Tiểu Hào: giống như Đồng Riêu, chỉ trường hợp ngoại tình hay song tình, có mối tình thâm kín, được giấu diếm kỹ, không bộc lộ. Đây có thể là người bên ngoài đoàn chính nhưng bên trong rất nồng nhiệt, chỉ phạm dâm khi có cơ hội hoặc là người đeo đuổi một lần hai mối tình trong đó phải bảo mật một mối.

Tham Lang, Phá Quân: Phá Quân chỉ sự hao tán phu thê, đổ vỡ về gia đạo. Đi với Tham Lang, người phụ nữ này vì tham dục nên bị liên lụy với gia đình.

Tham Lang, Thất Sát hãm địa (Mão, Dậu, Thìn và Tuất): nghiệp chướng về ái tình khó tránh khỏi. Nữ số có Tham, Sát ở Dần hay Thân là người bạc tình, mới chuộng cũ vong.

Thiên Cơ, Xương, Khúc: Nếu Phúc - Mệnh - Thân xấu gặp bộ sao này rất tham dâm. Nếu đi với Thiên Riêu hay Thai thì rất cuồng nhiệt và lãng loạn, đôi khi bộc lộ qua dâm thư kiểu như Hồ Xuân Hương.

Tham Lang, Đào Hoa: đồng nghĩa với Liêm Tham ở Ty, Hợi: người hồng nhan đa truân, gái giang hồ, phụ nữ chu động cưới chồng.

Mộc Dục, Hoa Cái, Bạch Hổ: phụ nữ cuồng dâm, tính dâm ăn sâu vào máu huyết, thay đổi nhân tình như thay đổi xiêm y.

3. Vị trí các sao tình dục:

a. Sao tình dục ở cung Nô: ý nghĩa dâm dãng của đương số rất rõ ràng, có những mối tình ngoại hôn lang chạ, bừa bãi, không phân biệt giai cấp, đối tượng, kiểu như chu lấy tớ ... Nết sa đọa của đương số còn tệ hại hơn. Chỉ có ngoại lệ khi có sao khắc chế ở Mệnh mà thôi.

b. Sao tình dục ở cung Phu Thê: hoặc vợ/chồng là người nhiều dục tính, tham dâm, có cuộc sống sinh lý dồi dào; hoặc vợ/chồng có ngoại tình; hoặc vợ/chồng có 2, 3 đời liên tiếp; hoặc vợ/chồng có thể đẹp hoặc duyên dáng, hữu tình.

c. Sao tình dục ở cung Tật: đương số có những bệnh họa liên quan đến sinh lý, tình dục, bộ phận sinh dục.

d. Sao tình dục ở cung Phúc: có thể biểu thị sự dâm dăng di truyền trong dòng họ (nếu cung Phụ hay cung Bào cũng có những sao này).

4. Những sao khắc chế tình dục:

Tử Vi, Thiên Phú, Thái Dương sáng sủa: tượng trưng cho sự ngay thẳng, đoan chính, trung hậu, tiết tháo. Ba sao này quân bình được các sao tình dục, kiềm chế được sự sa ngã đến mức độ đáng kể.

Ân Quang, Thiên Quý: chỉ phẩm hạnh, đức tính chung thủy, sắt son, tín nghĩa, trung thành. Hai sao này tiết giảm rất nhiều ý nghĩa trăng hoa của các sao tình dục.

Thiên Hình: chỉ sự chính trực, ngay thẳng, chính chuyên, mực thước, có ý chí đề kháng các loại cám dỗ của ái tình.

Long Đức, Nguyệt Đức, Phúc Đức, Thiên Đức (Tứ Đức): tượng trưng cho sự trong sạch, ý thức đạo đức trong vấn đề tình ái. Phải hội đủ Tứ Đức thì hiệu lực mới đủ mạnh vì Tứ Đức chỉ đủ để chế giảm các sao tình dục tầm thường.

Hóa Ky: Đồng cung với Liêm, Tham, Hóa Ky có thể chế được cái xấu của Liêm, Tham nói chung và từ đó chế cả tình dục mạnh mẽ của Liêm Tham nói riêng.

Lộc Tồn: chỉ sự chậm phát tình yêu, sự phát huy có chừng mực của sinh lý, đồng thời cũng có nghĩa cô độc trước tình yêu. Lộc Tồn là người kén yêu, khó khăn trong ái tình, chỉ yêu những đối tượng chọn lọc và có nhiều tính toán trong tình ái.

Triệt, Tuần: chế khắc tính nét dâm dăng khá mạnh. Triệt mạnh hơn Tuần mặc dù chỉ ảnh hưởng mạnh một thời gian mà thôi. Đi với Triệt, các dâm tinh hầu như mất hết ý nghĩa, không thể chi phối hay ảnh hưởng. Đi với Tuần, các dâm tinh vẫn còn chi phối con người một cách tương đối vừa phải suốt đời. Tình dục gặp Tuần, Triệt sẽ thiếu cơ hội bộc phát tự do, bị kìm tỏa trong tiềm thức, trong tư tưởng, không biểu lộ bằng hành động. Đây là trường hợp tình dục thiếu môi trường thuận lợi, bị ngăn trở, gặp ngang trái, bị cạnh tranh, gặp thất bại. Mặt khác, gặp Tuần Triệt, các sao tình dục sẽ có nghĩa là vô duyên, lỡ thì, cái duyên không có ai biết đến, không có điều kiện để trở thành ái tình (trường hợp gái già, trai muộn).

CÁCH ĂN NHẬU, CÁC SAO ĂN NHẬU

Thiên Trù: háo ăn, háo nhậu, thích ăn ngon, thường mời bạn bè đánh chén, lấy ăn nhậu làm lạc thú ở đời. Thiên Trù bao hàm vị giác, khứu giác bén nhạy và bao tử tốt. Sự thích ăn và háo ăn đưa đến hậu quả là có lộc để ăn, được người biếu xén, mời ăn, mời nhậu.

Hóa Lộc: Hóa Lộc đi cùng với Thiên Trù có nghĩa là sành ăn, biết thưởng thức món ăn ngon. Kẻ ăn trở nên sành điệu hơn.

Tấu Thư: có nghĩa tinh vi, tế nhị trong mọi cảm giác, cảm xúc, ngôn ngữ, thái độ. Nếu đi chung với Thiên Trù thì đồng nghĩa với Hóa Lộc, tiên niệm sự tế nhị của ẩm thực, có khứu giác linh mẫn, phân biệt được một cách tinh vi các loại rượu ngon, kén ăn nhậu.

Lực Sỹ: sức khỏe tốt, ăn nhiều.

Thiên Tướng: chỉ sự thích ăn ngon mặc đẹp thông thường.

Tang Môn, Bạch Hổ hãm địa (ở Dần, Mão, Ty và Ngọ): đối với nam giới, chỉ nét xấu của thói nhậu, hay say sưa vì nhậu quá nhiều. Nếu Tang Hổ ở Mệnh hãm là đệ tử của Lưu Linh.

Hậu quả của việc ăn nhậu:

Thiên Trù: càng về già, có bệnh về ăn nhậu như đau bao tử, đau gan, đau ruột. Nếu có hung, sát tinh đi kèm thì bệnh lý càng chắc chắn và nặng.

Thiên Đồng hãm địa (ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Ngọ và Dậu): chỉ sự trục trặc trong bộ phận tiêu hóa nếu ở vị trí hãm địa và nhất là đi chung với Thiên Trù. Thiên Đồng chỉ bệnh chuyen lao, tức là hết bao tử bị bệnh thì đến gan, mật hay ruột. Nếu gặp hung tinh và nếu đóng ở cung Tật thì bệnh tương đối khó chữa.

Đại Hao, Tiểu Hao: chỉ bệnh về bộ máy tiêu hóa, đặc biệt là sự trụng thực, thổ tả, tiêu chảy đồng thời chỉ một loại bệnh kinh niên. Đi với Thiên Trù chỉ việc dùng tiền vào ăn nhậu, ít khi dành dụm được.

CÁCH HÙNG BIỆN, CÁC SAO NGÔN NGỮ

1. Các sao hùng biện đơn thủ

Lưu Hà: chỉ sự lưu loát về ngôn ngữ, sự ham thích nói chuyện, khả năng trình bày suôn sẻ, mạch lạc, trôi chảy, sự diễn đạt tư tưởng phong phú, khiếu lý luận linh mẫn, luận cứ vững chắc, hiệu lực thuyết phục cao. Đứng ở cung Thủy, Lưu Hà có điều kiện phát huy hết các đặc tính trên. Đây cũng là sao của người đa ngôn.

Bạch Hổ: chỉ khả năng xét đoán và lý luận giỏi, đồng thời cũng chỉ năng khiếu hoạt động chính trị. Các đặc tính này sẽ sâu sắc khi Bạch Hổ đắc địa (Dần, Thân, Mão và Dậu). Bạch Hổ nặng về sự hùng hồn và khích động, sức quyến rũ, lời cuốn thiên hạ bằng lời nói gây phấn khởi, cổ vũ, thúc dục đi đến hành động.

Thiên Khốc, Thiên Hư: Đắc địa ở Tý Ngọ, Khốc Hư chỉ văn tài lỗi lạc, lời nói đanh thép hùng hồn và năng khiếu hoạt động chính trị. Nếu hãm địa, Khốc Hư chỉ sự sai ngoa về lời nói, sự thiếu chín chắn trong ngôn ngữ.

Thái Tuế: lanh lợi, khéo mồm, nói nhiều, chủ về sự tranh biện, lý luận, đối nại, có thể là để tranh thắng tạm thời, không chắc gì những luận cứ đưa ra được chính xác.

Tấu Thư: chỉ sự tinh tế, khôn khéo, tế nhị của mọi năng khiếu về mặt cảm giác, cảm xúc cũng như ngôn ngữ. Tấu Thư chủ sự khéo nói, nói ngọt, nghe lọt tai, không đụng chạm, không mịch lòng.

Văn Xương, Văn Khúc: không trực tiếp có nghĩa hùng biện, bắt nguồn từ sự phong phú của tình cảm. Sự hùng biện của Xương Khúc không những do động lực nội tâm thúc đẩy mà còn do sự thu đắc văn hóa, sự học rộng, biết nhiều. Người có Xương Khúc nói ra những điều mình nghĩ, từ đó, thu hút người khác bằng sự thực tâm, chân thành, tha thiết thực tình.

Hóa Khoa: phát sinh thuần túy từ học vấn mà ra. Người có Hóa Khoa có nhãn quan rộng rãi và thâm sâu về nhiều vấn đề, có khả năng hiểu biết và trình bày vấn đề một cách uyên bác, mạch lạc, hệ thống, theo đúng phương pháp sư phạm.

Cự Môn: Đắc địa, là sao hùng biện, nói lên cả năng khiếu nghiên cứu các vấn đề chính trị, pháp lý cũng như tài lãnh đạo và vận động quần chúng, thủ đoạn tổ chức và hoạt động. Những đức tính này càng sâu sắc hơn nếu Cự Môn ở Tý Ngọ có Hóa Lộc đồng cung hoặc Tuần, Triệt án ngữ hay Đại Tiểu Hao đồng cung.

2. Những sao hùng biện phối trí

Lưu Hà, Bạch Hổ: tài hùng biện vừa lưu loát vừa hùng hồn.

Lưu Hà, Thái Tuế: khả năng ngôn ngữ hết sức dồi dào, nói hoài không dứt.

Lưu Hà, Tấu Thư: tài hùng biện vừa lưu loát, vừa khéo léo, ngọt dịu. Tư tưởng và lời nói vừa phong phú, vừa tế nhị, thâm thúy.

Tấu Thư, Hóa Khoa: tài hùng biện vừa cao thâm, vừa khôn khéo.

Hóa Khoa, Xương Khúc: tài hùng biện sắc sảo nhờ văn học và nội tâm dồi dào, trình bày mạch lạc, hệ thống, cao siêu, chân thành, tha thiết, nặng về lối thuyết phục bằng tình cảm và kiến thức thông thái.

Lưu Hà, Tấu Thư, Hóa Khoa, Xương Khúc: tài hùng biện đạt mức cao độ, có thể đến hệ cấp quốc tế, dùng lời nói làm lay chuyển lập trường thiên hạ, làm chủ thể đám đông bằng khoa ngôn ngữ đặc sắc. Đây là hạng người hết sức lợi hại vì lời nói, có khả năng làm đảo lộn trật tự cũ, đả phá hay bệnh vực lập trường quốc gia một cách thành công. Nếu có thêm chính tinh tốt đồng cung, nhất định đây là bậc kỳ tài về hùng biện, danh lưu hậu thế nhờ tài năng ngôn ngữ xuất chúng. Nếu thiếu chính tinh hiển đạt thì ảnh hưởng nhỏ hơn, thu hẹp hơn nhưng năng khiếu không hề suy giảm.

CÁCH GIAN PHI, CÁC SAO GIAN PHI

1. Chính tinh hãm địa:

Tham Lang hãm địa: chỉ sự ham muốn quá độ, cuồng vọng thực hiện ý muốn của mình, không kể đến đạo đức, liêm sỉ. Đây là sao của người ích kỷ và bất nhân, hành động theo dục vọng và bản năng hơn là lý trí. 4 vị trí xấu của Tham Lang cho các tuổi như sau:

Tuổi	Cung Mệnh có Tham Lang tại:
Thân, Tý, Thìn	Tý
Dần, Ngọ, Tuất	Ngọ
Hợi, Mão, Mùi	Mão
Ty, Dậu, Sửu	Dậu

Tại 4 vị trí này, Tham Lang có nghĩa là trộm cắp, gian xảo. Đi chung với sát tinh, ý nghĩa này càng gia tăng. Riêng phụ nữ, Mệnh có Tham Lang và Đào Hoa còn bị cho là độc ác, thâm hiểm và dâm dăng, trừ phi được Tuần, Triệt khắc chế.

Phá Quân hãm địa: hung tợn, nham hiểm và bất nhân, báo hiệu nhiều điềm dữ. Những vị trí hãm địa của sao này là ở Mão, Dậu, Ty, Hợi, Dần, Thân.

Vài biệt lệ cho Phá Quân hãm địa như sau:

Tuổi	Cung Mệnh có Phá Quân tại
ất, Tân, Quý	Mão, Dậu
Giáp, Canh, Đinh	Dần, Thân
Kỷ, Mậu	Ty, Hợi

Gặp các vị trí này, Phá Quân đỡ xấu về tai họa nhưng tính nét xấu kể trên vẫn không mất.

Gặp sát tinh hãm địa hay Đại Tiểu Hào, Hồ, Kỵ, Hình, Phá Quân hãm địa càng làm tăng tính nét gian phi, dù có được sao giàu, sao quý hỗ trợ cũng không mất nghĩa xấu. Đó là những kẻ bất lương làm giàu hay những người có quyền mà bất nhân, bất nghĩa. Tiền bạc và quyền hành thường thủ đắc bằng thủ đoạn hèn hạ, phi nghĩa, xét ra còn nguy hiểm hơn hạng người bất lương mà nghèo hèn.

Phá Quân, Liêm Trinh ở Mão, Dậu

Bộ sao này có nghĩa độc ác, hay hại người, xuống tay không nể tình. Nam thì tàn bạo, phá hoại, nổi loạn; Nữ thì đa tật, hung dữ, chưa kể lãng loạn.

Đi chung với Hỏa, Linh hay Tả Hữu, nét dữ càng mạnh thêm, con người chẳng khác gì thú dữ.

Phá Quân, Vũ Khúc ở Ty, Hợi: đây là bộ sao tham lận, bất lương, hay có thói lường gạt, ăn gian, biển lận chỉ vì ham tiền.

Tham Lang, Liêm Trinh ở Ty, Hợi: chỉ tính nét đàng điếm của nam số và tính gian hồ của nữ số. Những hành động gian phi thường bắt nguồn từ động lực tình dục. Về mặt họa, đây là bộ sao chỉ ngục hình.

Vũ Khúc, Thất Sát hãm địa (ở Mão, Dậu, Thìn và Tuất): ý nghĩa tương tự như Vũ, Phá đồng cung.

Các chính tinh khác đi chung với sát tinh, ý nghĩa gian phi cũng tiềm tàng. Đó là trường hợp sát tinh hãm địa đi với Nhật, Nguyệt hãm hoặc với Cơ dù miếu hay hãm địa hoặc cả với Tử, Phu hãm địa.

2. Những phụ tinh hãm địa:

Địa Không, Địa Kiếp hãm địa (trừ ở Ty, Hợi, Dần và Thân): đại diện cho loại gian phi cực hung, có mưu lược xảo quyệt và cao thâm lại có hành động ác độc và bất ngờ. Đi chung với các sao xấu khác hoặc với các chính tinh hãm địa, tính nét và hành vi gian phi của Không Kiếp càng mạnh thêm, thiên về bá đạo, cực đoan, cuồng tín. Trong bối cảnh bất hảo như thế, Không Kiếp bao giờ cũng là sao gây họa cho người khác và rước họa cho chính mình. Tai họa này thường khủng khiếp, tàn bạo và thảm khốc. Đi chung với sao tốt, việc làm gian ác cũng không giảm bao nhiêu, duy ở vị thế tiềm tàng, lúc bột phát thì không lường trước được, Không Kiếp lúc nào cũng mang họa hay bất lợi cho sao tốt. Trong cách võ của một quân nhân, Không Kiếp lại hữu dụng, nhờ ở mưu lược, sự can đảm liều mạng với địch.

Phục Binh hay Thiên Không: chỉ thủ đoạn, trá trở, lật lọng, gài bẫy để mưu lợi riêng cho mình, bất chấp quyền lợi kẻ khác. Nếu lá số xấu, Phục Binh chỉ người ăn cắp, ăn gian, thủ đoạn hoặc là kẻ gièm pha, ám hại, a tòng với gian phi làm chuyện bất chính, bất nghĩa. Đi với sao tài, Phục Binh chỉ sự lường gạt tiền bạc, ăn chặn, đục khoét, làm tiền kẻ khác. Đi với sao tình thì đây là sự dụ dỗ, gạt tình làm cho người kia sa vào nghiệp chướng của ái tình, của sa đọa. Đi với sao quyền, Phục Binh chỉ sự sử dụng quyền hành để hiếp đáp, khống chế người khác. Hai sao này còn có nghĩa chính mình là nạn nhân của kẻ khác nếu lá số xấu: đó là những người bị lừa, bị cắp, bị gạt tình hay gạt tiền, bị chèn ép, phục kích, phỉ báng. Phục Binh hay Thiên Không đều có nghĩa là thông minh, cái thông minh của hạng gian xảo, quỷ quyệt, nhẹ hơn là sự liến thoắng, cắc cớ, trêu chọc, phá phách, đùa dai. Đi với Tả Hữu, hai sao này càng xấu thêm vì có sự kết hợp đàng hoàng hành động bất chính.

Hóa Ky, Thái Tuế: nếu đi với các gian tinh khác, chỉ hình thức hại người bằng lời nói như vu cáo, vu khống, xuyên tạc, thêm bớt với ác ý, dã tâm. Động lực hầu như vì đồ ky, cạnh tranh, tự ái lớn hoặc vì bị chỉ trích, bị tố cáo. Bằng không, chỉ là gièm xiêm, chê bai, ngòi lê đôi mách thông thường.

Thiên Hình, Kiếp Sát: đứng riêng rẽ, Hình và Kiếp Sát không có nghĩa gian phi mà chỉ tai họa do kiện tụng và ẩu đả. Nếu đi chung với nhiều gian tinh khác, nét gian của hai sao này là đả thương, cố ý gây thương tích cho đối thủ, tạo tàn tật, bệnh hoạn, kiểu như